

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HS-PT

Ngày: 22/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Vũ Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Văn N**, sinh năm 1988 tại thị xã K, Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư X, phường LX, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Dương Thị C; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn TC, xã CD, huyện CG, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2020, trong một lần đi cùng xe khách lên Hà Nội, Vũ Văn N quen và biết anh Nguyễn Công T làm dịch vụ cho vay tiền. Khoảng 10

ngày sau, N gọi điện cho anh T hỏi vay tiền và được anh T đồng ý. Anh T cho N vay số tiền 28.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày. Đến tháng 6/2020, N tiếp tục hỏi vay tiền nhưng anh T không đồng ý. Anh T bảo với N phải có giấy tờ nhà đất làm tin thì mới cho N vay. N nảy sinh ý định làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) giả để thế chấp vay tiền của anh T nên đã lên mạng, vào mục “Bán đất Kinh Môn” lấy được thông tin thửa đất số 345, tờ bản đồ số 02, diện tích 100m², địa chỉ: Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, có hình ảnh của GCNQSDĐ này nên đã copy hình ảnh về điện thoại của mình. N đăng nhập vào tài khoản Facebook mang tên “Vũ N” bằng điện thoại của mình rồi vào trang có tên “Làm giấy tờ” đặt làm GCNQSDĐ mang tên N, thỏa thuận giá là 13.000.000 đồng, khi nào nhận được GCNQSDĐ giả sẽ giao tiền trực tiếp. N cung cấp file ảnh GCNQSDĐ mà N đã copy trên mạng cùng các thông tin cá nhân của mình cho bên làm giấy tờ qua tin nhắn messenger trên Facebook. Khoảng 4 đến 5 ngày sau, N gọi điện cho anh T hỏi vay số tiền 22.000.000 đồng và nói sẽ đưa cho anh T 01 GCNQSDĐ mang tên N để làm tin. Khoảng 02 ngày sau, N nhận được điện thoại của một người không quen biết làm dịch vụ chuyển hàng nhanh, N hẹn gặp người này tại khu vực chợ K thuộc phường AL, thị xã K. Sau đó, N gọi điện cho anh T để vay tiền, anh T đồng ý và mang 22.000.000 đồng đến phường AL để cho N vay. Khi gặp nhau, anh T đưa cho N số tiền 22.000.000 đồng. N cầm số tiền này rồi lấy 13.000.000 đồng đưa cho người chuyển hàng và nhận gói hàng. Sau khi kiểm tra GCNQSDĐ mang đầy đủ thông tin của mình, N mang ra đưa cho anh T cầm để làm tin. Sau đó khoảng 01 tháng, N về lái xe thuê xe khách cho anh T. Trong thời gian này N tiếp tục vay của anh T số tiền 35.000.000 đồng, anh T đồng ý và có cộng thêm 3.000.000 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng cho N vay, tổng là 39.000.000 đồng. Hai bên thống nhất viết giấy vay nợ, cộng cả 02 lần vay trước, tổng là 89.000.000 đồng. Khi N chạy xe thuê cho anh T được khoảng 15 ngày thì khách hàng phản ánh thái độ phục vụ của N không tốt nên anh T đã cho N nghỉ việc và yêu cầu N trả lại số tiền đã vay là 89.000.000 đồng nhưng N không trả được. Khoảng 4-5 ngày sau, N tiếp tục hỏi vay anh T số tiền từ 150.000.000 đồng - 170.000.000 đồng để ra ngoài mua xe chạy chung với người khác. Lúc này anh T nghi ngờ và xem lại GCNQSDĐ mà N đã đưa cho anh thì phát hiện là giả. Sau khi chất vấn thì N thừa nhận với anh T giấy tờ đó là giả và xin anh T cho N một cơ hội. N nói với anh T còn nợ ngoài xã hội tổng số tiền 61.000.000 đồng và hỏi vay tiền anh T để trả nợ. Anh T đồng ý và trực tiếp cùng N đi trả các khoản nợ này. Sau đó, anh T yêu cầu N viết giấy nhận nợ của 4 lần vay với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Sau này N

tiếp tục lái xe thuê cho anh T nhưng không trung thực nên anh T cho N nghỉ việc và yêu cầu N trả số tiền 150.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi tiền nhưng N không trả nên anh T đã làm đơn trình báo đến Công an phường Long Xuyên và giao nộp GCNQSDĐ nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 19/KLGT ngày 10/4/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BY957947 đứng tên Vũ Văn N, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Phường LX, thị xã K, tỉnh Hải Dương là giả toàn phần gồm phôi, hình dấu, chữ ký, dấu chức danh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/3/2022, bị cáo Vũ Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Văn N trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020, bị cáo đã 04 lần vay tiền của anh Nguyễn Công T. Lần đầu tiên, bị cáo vay anh T số tiền 28.000.000 đồng, không có tài sản thế chấp. Lần thứ 2, bị cáo tiếp tục hỏi vay tiền nhưng anh T không đồng ý nên bị cáo đã nảy sinh ý định làm GCNQSDĐ giả mang tên bị cáo, mục đích để anh T tin tưởng và cho bị cáo vay tiền. Bị cáo đã đưa cho anh T GCNQSDĐ giả để làm tin và lần lượt vay các khoản tiền là 22.000.000 đồng và 35.000.000 đồng trong khi thực tế bị cáo không có thửa đất nào, không có tài sản có giá trị, mục đích vay nợ để trả các khoản nợ mà bị cáo đã vay của người khác. Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công T trình bày: Do tin tưởng GCNQSDĐ mà bị cáo N đưa cho là thật, bị cáo là chủ sử dụng thửa đất nên anh T đã cho N vay tiền hai lần, số tiền là 22.000.000 đồng và 35.000.000 đồng. Nếu bị cáo N không có GCNQSDĐ thì anh T sẽ không cho vay tiền. Sau đó, anh T đòi tiền nhiều lần nhưng bị cáo N không trả, anh T đã tố cáo đến cơ quan Công an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Cấp sơ thẩm đã bỏ lọt hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo N. Tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án có căn cứ chứng minh bị cáo N có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước. Trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó thế chấp làm tin với anh T để vay tiền, anh T tin tưởng là thật đã cho N vay 02 lần với số tiền là 22.000.000 đồng và 35.000.000 đồng, tổng số tiền là 57.000.000 đồng; tội phạm hoàn thành từ thời điểm bị cáo nhận tiền. Hành vi nêu trên của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, phải khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử bị cáo N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong cùng vụ án nhưng Cơ quan CSĐT - Công an thị xã Kinh Môn không khởi tố. Do vậy, có căn cứ hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Tuy nhiên, tiếp thu kiến nghị khởi tố điều tra của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09 ngày 21/03/2022, Cơ quan CSĐT - Công an thị xã Kinh Môn đã tiếp nhận nguồn tin tội phạm nêu trên, hiện đang giải quyết (Thông báo tiếp nhận nguồn tin về tội phạm số 574 ngày 20/6/2022) nên không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm có sai sót khi giải quyết phần trách nhiệm dân sự của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đối với số tiền 22.000.000 đồng và 35.000.000 đồng) và quan hệ hợp đồng dân sự (đối với số tiền 28.000.000 đồng và 61.000.000 đồng) trong bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và anh T thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm trả anh T số tiền 97.000.000 đồng nên cần tôn trọng sự định đoạt này, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

- Sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng mức hình phạt 13 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 13 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo trả cho anh T số tiền 97.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Vũ Văn N trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo Vũ Văn N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6/2020, Vũ Văn N đã có hành vi cung cấp thông tin thừa đất, thông tin mẫu dấu và thông tin cá nhân để thuê người làm giả GCNQSDĐ đối với thửa đất số 345, tờ bản đồ số 02, diện tích 100m², địa chỉ: Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn mang tên mình với giá 13.000.000 đồng. Sau khi có GCNQSDĐ giả, Vũ Văn N đã đưa cho anh Nguyễn Công T để làm tin, thực hiện các lần vay tiền là 22.000.000 đồng và 35.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán, sau nhiều lần yêu cầu nhưng Vũ Văn N không trả tiền nên anh Nguyễn Công T có đơn tố cáo hành vi của N và giao nộp GCNQSDĐ giả đến cơ quan Công an.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 của BLHS. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo N về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ.

[3] Lời khai của bị cáo N tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm đều xác định: Khi vay số tiền 22.000.000 đồng, anh T yêu cầu N phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin thì mới cho N vay tiền nên N đã nảy sinh ý định thuê người làm giả GCNQSDĐ để vay tiền của anh T. Sau đó, N đã đưa cho anh T GCNQSDĐ giả để làm tin và vay tiền của anh T 02 lần, trong đó một lần vay số tiền 22.000.000 đồng và một lần vay số tiền 35.000.000 đồng. Khi đưa cho anh T GCNQSDĐ để vay các khoản tiền trên, anh T không biết GCNQSDĐ đó là giả. Lời khai của bị cáo Vũ Văn N phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Công T. Như vậy, bị cáo N đã có hành vi gian dối để vay tiền của anh T. Bị cáo khai làm giả, sử dụng GCNQSDĐ giả để vay tiền của anh T nhưng không có mục đích chiếm đoạt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra, bị cáo khai: *“Lúc này tôi nảy sinh ý định làm giấy quyền sử dụng đất giả để thế chấp cho T để vay tiền. Do đó tôi đã sử dụng giấy quyền sử dụng đất giả này để lừa đảo vay T 02 lần, trong đó một lần tôi vay số tiền 22 triệu đồng, và một lần tôi*

vay số tiền 35 triệu đồng” (bút lục 105, 119). Mặt khác, tại thời điểm vay tiền của anh T, bị cáo không có tài sản có giá trị, không có điều kiện kinh tế để trả nợ, bị cáo vay tiền của anh T để trả các khoản nợ đã vay của người khác; sau nhiều lần anh T đòi tiền nhưng bị cáo không trả nên anh T đã trình báo cơ quan điều tra. Như vậy, đã có đủ căn cứ chứng minh về mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Hành vi của bị cáo N phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ đề nghị VKSND thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng VKSND thị xã Kinh Môn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn khởi tố, điều tra về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi của Vũ Văn N chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng và 35.000.000 đồng, chỉ xét xử bị cáo N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Như vậy, việc cơ quan điều tra, truy tố không xem xét hành vi gian dối của bị cáo N nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 57.000.000 đồng của anh T là bỏ lọt tội phạm. Mặt khác, trường hợp bị cáo N bị khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì cần xem xét tình tiết định khung đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần hủy bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo và các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do hủy án bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và chuyển hồ sơ vụ

án cho Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để điều tra lại, giải quyết theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/7/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã Kinh Môn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh